

Bản án số: 08/2019/HNGĐ-ST.

Ngày: 06-05-2019.

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H - TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Duyên

Các hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Yên

Ông Trần Mạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cảnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H

Trong ngày 06 tháng 5 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2019 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị H.** Sinh năm 1971.

Trú tại: Tổ 3 khu 8, thị trấn T, huyện H, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt

- Bị đơn: Anh **Đặng Khắc C.** Sinh năm 1970.

Trú tại: Tổ 3 khu 8, thị trấn T, huyện H, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

-Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: 1.Nguyễn Thị L- sinh năm 1969.
Trú tại Tổ 3 khu 7 thị trấn T, huyện H, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt

2.Dương Thị Thu H- sinh năm 1981. Trú tại: Tổ 5 khu 1 thị trấn T, huyện H, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị kết hôn với anh Đặng Khắc C vào năm 1991 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện H, tỉnh Quảng Ninh. Năm 2012 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh C lơ đãng, cờ bạc, đánh đập chị. Do mâu

thuần đã kéo dài, không thể khắc phục được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Chị H và anh C có 2 con chung là Đặng Kim K- sinh ngày 08/12/1992 và Đặng Kim H- sinh ngày 15/9/2002. Trong đơn khởi kiện, chị H đề nghị được nuôi con chung Đặng Kim H, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con, con chung Đặng Kim K đã thành niên, không yêu cầu giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án, chị H thay đổi quan điểm, do cháu H có nguyện vọng ở với bố nên chị H đồng ý để anh C nuôi con Đặng Kim H.

Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với các yêu cầu đòi nợ của chị Dương Thị Thu H và chị Nguyễn Thị L, chị H thừa nhận có cùng với anh C ký giấy vay nợ chị H và chị L, nhưng anh C là người nhận tiền để kinh doanh xưởng gỗ. Sau đó chị đã đưa 20.000.000đồng cho anh C đi trả nợ nhưng anh C không trả thì phải tự chịu trách nhiệm. Quan điểm của chị H không đồng ý trả nợ cho chị H và chị L mà anh C phải tự trả. Ngoài ra, chị H không yêu cầu gì khác về giải quyết tài sản chung.

Bị đơn anh Đặng Khắc C khai thừa nhận thời gian và điều kiện kết hôn như chị H trình bày là đúng. Theo anh, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, cãi vã, không hợp nhau. Nay chị H xin ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Anh C xác nhận vợ chồng có hai con chung như chị H trình bày. Nếu ly hôn, anh đề nghị được nuôi con chung Đặng Kim H, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Đối với yêu cầu đòi nợ của chị Dương Thị Thu H ở tổ 5 khu 1 thị trấn T 30.000.000đồng và chị Nguyễn Thị L ở tổ 3 khu 7 thị trấn T 35.000.000đồng. Anh C xác nhận 2 khoản vay này là của hai vợ chồng, cùng sử dụng chung và không thừa nhận chị H đưa 20.000.000đồng để đi trả nợ vì tiền gia đình sử dụng chung, không rạch ròi cụ thể là đưa tiền đi trả nợ. Quan điểm của anh C là mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$ số tiền nợ trên. Ngoài yêu cầu giải quyết đòi nợ của các chị Nguyễn Thị L, Dương Thị Thu H thì anh C không yêu cầu gì khác về giải quyết tài sản chung.

-Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Dương Thị Thu H trình bày: Ngày 24/11/2014 chị có cho vợ chồng chị H, anh C vay 30.000.000đồng để làm ăn, hạn trả là tháng 02/2015, lãi suất theo thỏa thuận. Khi vay có viết giấy vay nợ, 2 vợ chồng chị H, anh C đều ký. Sau đó 2 bên đã thỏa thuận miệng không tính lãi nữa, tính đến nay chị H và anh C chưa trả cho chị đồng tiền gốc nào. Nay chị H và anh C ly hôn, chị H yêu cầu chị H, anh C trả cho chị số tiền gốc 30.000.000đồng, không yêu cầu trả lãi.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị L trình bày: Ngày 17/4/2014 chị có cho vợ chồng chị H, anh C vay 40.000.000đồng, không thỏa

thuận lãi suất và ngày trả. Khi vay có viết giấy vay nợ. Sau đó anh C đã trả cho chị 10.000.000 đồng, rồi lại vay thêm 5.000.000đồng. Vì vậy, chị L yêu cầu chị H, anh C trả cho chị số tiền gốc 35.000.000đồng, không yêu cầu trả lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Đặng Khắc C là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình sống chung, vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, không thể hàn gắn được. Tại phiên tòa, anh chị đều thống nhất thuận tình ly hôn nên cần công nhận sự thỏa thuận của chị H và anh C.

[2]. Về con chung: Chị H và anh C đều thống nhất quan điểm giao con chung Đặng Kim H- sinh ngày 15/9/2002 cho anh C nuôi dưỡng, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con nên cần ghi nhận thỏa thuận này của các đương sự.

[3]. Về tài sản chung: Đối với yêu cầu giải quyết đòi nợ của các chị Nguyễn Thị L và Dương Thị Thu H thấy: các giấy vay tiền đều có chữ ký của cả hai vợ chồng chị H, anh C và đều được anh chị xác nhận là vay để anh C kinh doanh xưởng gỗ tại nhà ở tổ 3 khu 8 thị trấn T. Như vậy, có đủ căn cứ xác định đây là khoản vay chung của hai vợ chồng, sử dụng vào mục đích chung. Đối với khoản nợ 30.000.000đồng của chị H đều được các bên thừa nhận là chưa trả được đồng nào nên cần buộc chị H, anh C phải trả số tiền gốc này cho chị H. Đối với khoản nợ 35.000.000đồng của chị L, thấy: Các bên thừa nhận số tiền vay ban đầu là 40.000.000đồng, sau đó anh C đã trả được 10.000.000đồng. Tuy nhiên, phần vay 5.000.000đồng do chị L viết thêm không có chữ ký của bên vay nhưng được anh C thừa nhận, chị H không thừa nhận, căn cứ khoản 1 điều 37, khoản 3 điều 45 Luật hôn nhân gia đình 2014 có căn cứ xác định khoản vay chung của chị H, anh C với chị L là 30.000.000đồng, và cần buộc anh C có trách nhiệm phải trả thêm số tiền 5.000.000đồng cho chị L là phù hợp.

Như vậy, tổng số tiền nợ chung là 60.000.000đồng, chia theo phần mỗi người phải trả 30.000.000đồng, anh C phải trả thêm cho chị L 5.000.000đồng.

Ngoài yêu cầu giải quyết đòi nợ của các chị Nguyễn Thị L, Dương Thị Thu H thì chị H, anh C không yêu cầu gì khác về giải quyết tài sản chung nên không đề cập.

[4]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật. Chị H và anh C phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho chị H và chị L.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 227, khoản 1, 2, 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điều 55, điều 81, 82, 83, khoản 1 điều 37, khoản 3 điều 45 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; các điều 471, 474 Bộ luật dân sự 2005; Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Đặng Khắc C.

Giao con chung Đặng Kim H- sinh ngày 15/9/2002 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung thành niên (Đủ 18 tuổi). Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Buộc chị Nguyễn Thị H và anh Đặng Khắc C phải liên đới trả nợ cho chị Nguyễn Thị L 35.000.000đồng(ba mươi lăm triệu đồng) và trả cho chị Dương Thị Thu H 30.000.000đồng(ba mươi triệu đồng), trong đó chị H phải trả 30.000.000(ba mươi triệu)đồng, anh C phải trả 35.000.000(ba mươi lăm triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại điều 357, điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm (được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai số 0003466 ngày 10/01/2019 của Thi hành án dân sự huyện H) và phải nộp 1.500.000(một triệu năm trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Anh Đặng Khắc C phải nộp 1.750.000 (một triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho chị Nguyễn Thị L số tiền 875.000đồng(tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo biên lai số 0003496 ngày 20/3/2019 của Thi hành án dân sự huyện H. Trả lại cho chị Dương Thị Thu H số tiền 750.000đồng (bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo biên lai số 0003498 ngày 25/3/2019 của Thi hành án dân sự huyện H.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKS huyện H;
- THA huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Duyên